

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU
Số: 59/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sìn Hồ, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân và gai đình thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+) Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Tần Phòng M, sinh năm 1999

Địa chỉ: bản T S Tr, xã Ph S L, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

2. Anh Triệu Xoang L, sinh năm 1996

Địa chỉ: bản T S Tr, xã Ph S L, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 người yêu cầu anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M kết hôn với nhau vào ngày 12/6/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh L và chị M là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống vợ, chồng sau khi kết hôn không có mâu thuẫn gì, sống hòa thuận. Đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm nên thường xuyên to tiếng, cãi nhau, sống không hợp nhau và không hạnh phúc, không còn yêu thương nhau như trước đây và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Anh L và chị M không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục được đời sống chung của vợ, chồng, hiện tại

tình cảm vợ, chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ việc dân sự và tại phiên họp hòa giải đoàn tụ anh L và chị M không thống nhất được với nhau về việc đoàn tụ, việc hòa giải đoàn tụ không thành. Anh L và chị M đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó, chứng tỏ rằng anh L và chị M chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M.

[2]. Về nuôi con chung: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M có 02 con chung là cháu Triệu Thị Thu Ph, sinh ngày 16/6/2017 và cháu Triệu Quỳnh Nh, sinh ngày 09/10/2019. Anh L và chị M thỏa thuận khi ly hôn anh Triệu Xoang L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Quỳnh Nh cho đến khi cháu Như thành niên đủ 18 tuổi. Chị Tần Phòng M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Thị Thu Ph cho đến khi cháu Ph thành niên đủ 18 tuổi. Xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, đảm bảo sự ổn định và hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, thỏa thuận giữa anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M tự thỏa thuận, không cần Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M không có tài sản chung, khoản nợ chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sẽ do anh L nộp. Vậy anh L phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà anh Triệu Xoang L đã nộp 300.000 đồng vào ngày 22/7/2024 theo biên ký hiệu: BLTU/23, số: 0000634 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thỏa thuận giữa anh L và chị M phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M có 02 con chung là cháu Triệu Thị Thu Ph , sinh ngày 16/6/2017 và cháu Triệu Quỳnh Nh , sinh ngày 09/10/2019. Giao cháu Triệu Như Q cho anh Triệu Xoang L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Như thành niên đủ 18 tuổi và giao cháu Triệu Thị Thu Ph cho chị Tần Phòng M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Ph thành niên đủ 18 tuổi.

Các bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M tự thỏa thuận, không cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh Triệu Xoang L và chị Tần Phòng M thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sẽ do anh L nộp. Vậy anh L phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà anh Triệu Xoang L đã nộp 300.000 đồng vào ngày 22/7/2024 theo biên ký hiệu: BLTU/23, số: 0000634 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Hồng Ngoãn